

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2011

BÁO CÁO TÓM TẮT

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

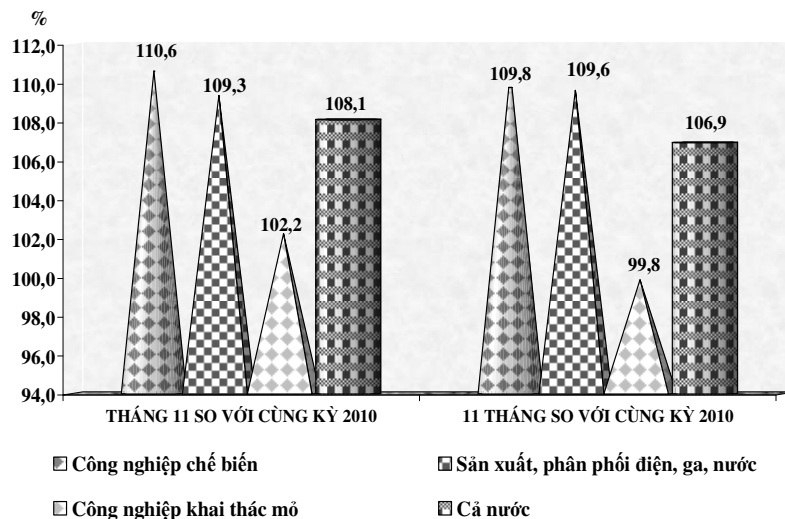
THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2011

I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

1. Tình hình chung

Trong giai đoạn khó khăn chung của kinh tế thế giới, doanh nghiệp sản xuất của Việt Nam hiện đang đối mặt với 4 vấn đề lớn đó là: lãi suất vay ngân hàng cao, thiếu nguyên liệu trong nước, giá cả đầu vào tăng nhanh hơn đầu ra và tình trạng vừa thiếu vừa thừa nguồn lao động. Các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu lại thêm gánh nặng do sự co hẹp của thị trường xuất khẩu, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp nước ngoài ở thị trường xuất khẩu. Vì vậy, để duy trì được tốc độ tăng trưởng, bản thân từng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu phải nỗ lực vượt khó, tự tìm hướng đi riêng cho mình bằng cách đổi mới phương thức kinh doanh, tìm kiếm đối tác, ứng dụng thương mại điện tử vào giao dịch, đặt hàng,...

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG 2011



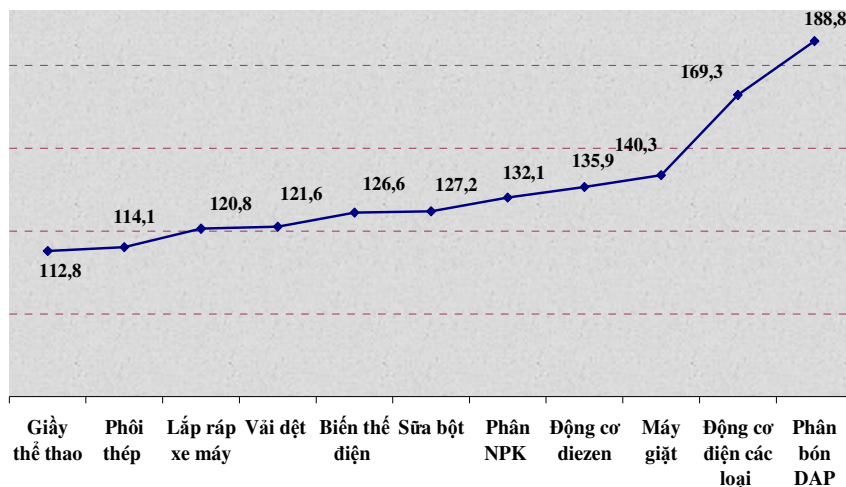
Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp tháng 11 tăng 8,1% so với tháng 11/2010, trong đó: ngành công nghiệp khai thác mỏ tăng 2,2%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,6%; sản xuất, phân phối điện, ga, nước tăng 9,3%. So với cùng kỳ, tốc độ tăng trưởng 11 tháng tăng 6,9% (tiếp tục giảm 0,1 điểm % so với thời điểm 10 tháng), trong đó: ngành công nghiệp khai thác mỏ giảm 0,2%, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,8% và sản xuất, phân phối

điện, ga, nước tăng 9,6% (Phụ lục 1). Tuy thời tiết mưa lũ vào những tháng cuối năm không thuận cho công tác khai thác nhưng khoảng cách tăng trưởng của công nghiệp khai thác đã tăng 0,5 điểm % so với thời điểm 10 tháng do ngành dầu khí đã đẩy mạnh sản xuất phần đầu hoàn thành kế hoạch năm (khai thác dầu thô tăng 0,6%; khai thác quặng apatít tăng 9,5%); sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tình trạng tiếp tục giảm dù đã triển khai rất tốt các chương trình kích thích tiêu dùng, người dân đã lựa chọn sử dụng hàng sản xuất trong nước nhiều hơn nhưng sức mua vẫn giảm đáng kể do tiết kiệm chi tiêu khi kinh tế gặp khó khăn (giảm 0,4 điểm % so với thời điểm 10 tháng).

Nếu tính theo giá cố định 1994, giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành 11 tháng ước đạt 812,4 nghìn tỷ đồng, tăng 13,0% so với cùng kỳ, trong đó: khu vực kinh tế Nhà nước tăng 4,1%; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng 15,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 15,5%.

Theo thời vụ, tháng 11 là tháng đẩy mạnh sản xuất để hoàn thành kế hoạch năm và chuẩn bị dự trữ hàng tết nhưng năm nay thì khác hẳn, sản xuất sản phẩm tăng giảm không đồng đều trong từng ngành hàng, cụ thể như: máy giặt tăng 40,3% và ti vi tăng 14,7% nhưng điều hoà nhiệt độ lại giảm 22,5% và tủ lạnh, tủ đá giảm 18,9%; xe máy tăng 20,8% nhưng ô tô lại giảm 4,0%; vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 21,6% nhưng quần áo cho người lớn chỉ tăng 11,5%; giày thể thao tăng 12,8% nhưng giày dép giả da chỉ tăng 0,9%; phân lân tăng 17,0% và phân NPK tăng 32,1%, phân DAP tăng 88,8% nhưng phân urê lại giảm 0,2%,... Tốc độ tăng của các mặt hàng thuốc lá, đồ uống, dầu thực vật, xà phòng, bột giặt,... giảm so với cùng kỳ do nhu cầu giảm nhiều. Tuy nhiên, một số sản phẩm phục vụ sản xuất vẫn ổn định như: điện tăng 10,0%, than sạch tăng 2,3%, polypropylen tăng gấp 2,5 lần, phôi thép tăng trên 14,0%, động cơ điện tăng 69,3%, động cơ diezen tăng 35,9%, biến thể điện tăng 26,6%, quặng apatít tăng 9,5%, xi măng tăng 7,6%,... (Phụ lục 2).

CHỈ SỐ TĂNG TRƯỞNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CHỦ YẾU
11 THÁNG NĂM 2011 SO VỚI CÙNG KỲ 2010



2. Tình hình nổi bật của một số ngành

2.1. Ngành Năng lượng

- **Ngành Điện** đã vào mùa mưa nên các nhà máy thủy điện khai thác cao và đảm bảo tích nước cuối năm, bù lại, các nguồn nhiệt điện than, tua bin khí khai thác vừa đủ để cung cấp, mua điện của Trung Quốc ở mức thấp. Vì vậy nên sản xuất tháng 11 ước đạt 8,6 tỷ kWh, tăng 12,1% so với tháng 11/2010; tính chung 11 tháng ước đạt 91,97 tỷ kWh, tăng 10,0% so với cùng kỳ. Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 2 và Uông Bí 2 ngừng vận hành để sửa chữa theo kế hoạch; Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chính thức phát điện thương mại chu trình hỗn hợp, từ ngày 12 tháng 11 đã phát lên lưới điện gần 180 triệu kWh; cung cấp điện được ổn định và đáp ứng đủ nhu cầu phụ tải một phần nhờ công tác đóng điện tại các trạm biến áp Nho Quan, Hiệp Hoà được thực hiện rất tốt.

Trong tháng đã đảm bảo cung cấp đủ điện cho sản xuất của các ngành và tiêu dùng dân cư, ước đạt 8,33 tỷ kWh, tăng 12,4% so với tháng 11/2010 nên tính chung 11 tháng ước đạt 86,8 tỷ kWh, tăng 11,1% so với cùng kỳ, trong đó: điện cung cấp cho công nghiệp và xây dựng tăng 13,9% (trong khi 10 tháng tăng 14,2%), chiếm tỷ trọng 52,9%; điện dùng cho khu vực thương nghiệp, khách sạn nhà hàng tăng 8,4%, chiếm tỷ trọng 4,5%; điện cho tiêu dùng dân cư tăng 6,3%, chiếm tỷ trọng 36,1%.

- **Ngành Dầu khí** tháng 11 đã ổn định trong công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí nên tổng sản lượng khai thác quy dầu ước đạt 2,0 triệu tấn, tính chung 11 tháng ước đạt 21,5 triệu tấn, bằng 93,0% kế hoạch năm, trong đó: sản lượng khai thác dầu thô tháng 11 ước đạt 1,40 triệu tấn, tính chung 11 tháng ước đạt 13,75 triệu tấn, bằng 92,0% kế hoạch năm; sản lượng khai thác khí tháng 11 ước đạt 0,64 tỷ m³, tăng 8,5% so với tháng 10; tính chung 11 tháng ước đạt 7,8 tỷ m³, bằng 95,0% kế hoạch năm. Hoạt động sản xuất của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ổn định, sản phẩm sản xuất tháng 11 ước đạt 544 nghìn tấn, tính chung 11 tháng ước đạt 4,85 triệu tấn, trong đó sản phẩm xăng dầu các loại ước đạt 4,45 triệu tấn, sản lượng sản xuất xăng dầu toàn ngành 11 tháng ước đạt 4,86 triệu tấn bằng 87,0% kế hoạch.

Từ cuối quý III đến nay, giá dầu có xu hướng giảm nhẹ so với đầu năm, giá dầu thô hiệu Brent (tương đương với dầu thô Việt Nam) hiện đang giao động ở mức 110- 115 USD/thùng, giảm 5-10USD/thùng so với mức giá trung bình tháng 6. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2010 giá dầu thô trung bình 11 tháng đạt 115USD/thùng, tăng 40,0% nên các chỉ tiêu kế hoạch tài chính nhà nước giao cho ngành Dầu khí Việt Nam đã vượt mức kế hoạch năm ngay từ đầu tháng 10. Tuy vậy nhưng để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất, ngành dầu khí cần tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo các nhà thầu dầu khí đảm bảo sản lượng khai thác đã được phê duyệt; kiểm tra, giám sát chặt chẽ vận hành an toàn các hệ thống vận chuyển khí, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, ...

2.2. Ngành Công nghiệp nặng

- **Ngành Than và Khoáng sản** do thời tiết miền Bắc đã chuyển mùa, lượng mưa trong tháng 11 giảm so với tháng 10 nên công tác phát triển mỏ tiếp tục được triển khai, khối lượng bóc đất đá tháng 11 ước đạt 31,1 triệu m³, tăng 16,2% so với tháng 10, tính chung 11 tháng ước đạt 242,6 triệu m³, tăng 18,6% so với cùng kỳ; mét lò đào mới tháng 11 ước đạt 30,7 nghìn m, tăng 8,4% so với tháng 10, tính chung 11 tháng ước đạt 342,2 nghìn m, tăng 11,1% so với cùng kỳ. Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy nhanh tiến độ phát triển mỏ và khai thác, tính đến hết tháng 11, sản lượng khai thác than sạch của nhiều đơn vị đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đã đề ra như: Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai đạt 100,5% kế hoạch năm; Công ty Cổ phần Than Hà Lâm đạt 102,1%; Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc đạt 103,1%; Công ty cổ phần than điện Nông Sơn đạt 117,3%; Công ty Cổ phần than Mông Dương đạt 108,5%,... Vì vậy nên sản lượng than sạch toàn ngành tháng 11 ước đạt 4,1 triệu tấn, tăng 5,7% so với tháng 10, tính chung 11 tháng ước đạt 39,9 triệu tấn, tăng 2,0% so với cùng kỳ. Tiêu thụ than 11 tháng ước đạt 40,6 triệu tấn, tăng 6,0% so với cùng kỳ, trong đó tiêu thụ trong nước ước đạt 25,6 triệu tấn, tăng 16,0%; xuất khẩu ước đạt 14,8 triệu tấn, giảm 3,0%.

Trong tháng, hoạt động khai thác khoáng sản tiếp tục ổn định nên duy trì được mức tăng trưởng 11 tháng so với cùng kỳ: khai thác apatít ước đạt 2,2 triệu tấn, tăng 9,5; khai thác đồng tấm 11 tháng ước đạt 7,9 nghìn tấn, tăng 74,0%; khai thác kẽm thỏi ước đạt 8,3 nghìn tấn, tăng 8,0%; khai thác vàng ước đạt 251 kg, tăng 43,0%;... Tiêu thụ 11 tháng các sản phẩm này cũng rất tốt: đồng tấm ước đạt 5,1 nghìn tấn, tăng 24,0% so với cùng kỳ; khai thác kẽm thỏi ước đạt 9,4 nghìn tấn, tăng 60,0% so với cùng kỳ; khai thác vàng ước đạt 254 kg, tăng 45,0% so với cùng kỳ.

- **Ngành Thép** khác với mọi năm, những tháng cuối năm, các công trình xây dựng phần đầu hoàn thành kế hoạch cộng với nhu cầu sửa chữa nhà mới đón tết không làm sản xuất thép tăng mà ngược lại, sản xuất và nhập khẩu cũng giảm dần do tiêu thụ khó khăn. Các doanh nghiệp trong ngành sản xuất cần chú ý tránh tồn kho cũng như động vốn nên sản lượng tính đến hết tháng 11 ước đạt 6,44 triệu tấn, tiếp tục giảm 1,5% so với cùng kỳ. Hai thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam là Nhật Bản và Trung Quốc đều tiếp tục giảm giá thép xây dựng nên trong nước đã xảy ra hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh bán phá giá để đẩy mạnh lượng hàng tiêu thụ và giảm lượng tồn kho. Hiện nhiều doanh nghiệp đang chào giá thấp hơn giá thị trường từ 200 - 300 nghìn đồng/tấn.

Để góp phần bảo đảm nguồn cung, bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu trong đó có thép xây dựng, Tổng công ty Thép Việt Nam tiếp tục rà soát các khoản chi phí cấu thành sản xuất nhằm minh bạch giá bán thép xây dựng trên thị trường. Hầu hết các đơn vị sản xuất, phân phối thép đều thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Bộ và của Chính phủ, niêm yết, phổ biến rộng rãi giá nguyên liệu và giá bán thành phẩm ở từng đại lý phân phối theo từng ngày.

- **Ngành Hoá chất** sản xuất phân bón các loại trong tháng cao hơn so với tháng 10: phân đạm urê ước đạt 87,7 nghìn tấn, tăng 1,5%; phân lân ước đạt 130 nghìn tấn, tăng 27,2%; phân NPK ước đạt 176 nghìn tấn, tăng 15,2%. Tính chung 11 tháng, sản xuất các phân bón đều tăng so với cùng kỳ, trong đó: phân lân tăng 5,5%, phân NPK tăng 15,%, phân DAP tăng 60,1%. Riêng phân đạm urê giảm 0,2% so với cùng kỳ (nguyên nhân chủ yếu là do Nhà máy Đạm Phú Mỹ ngừng hoạt động để sửa chữa, bảo dưỡng lớn 01 tháng).

Hiện nay, các tỉnh miền Bắc đã thu hoạch xong vụ hè thu và bắt đầu xuống giống vụ đông xuân, các tỉnh miền Trung Tây Nguyên và đồng bằng Sông Cửu Long đang thực hiện xuống giống vụ đông xuân nên nhu cầu phân bón trong tháng 11 tăng so với tháng 10. Tuy nhiên, giá phân bón ở tất cả các vùng miền trong nước đều ổn định so với tháng 10: tại miền Bắc giá Đạm Phú Mỹ ở mức 10.550-10.600 đồng/kg, miền Trung và Tây Nguyên ở mức 10.600 đồng/kg; miền Đông Nam bộ 10.600 đồng/kg; giá phân urê thấp hơn giá Đạm Phú Mỹ khoảng 150- 200 đồng/kg. Dự báo trong tháng 12, nhu cầu phân bón tiếp tục tăng do các địa phương đồng loạt xuống giống vụ đông xuân nhưng giá phân bón sẽ ổn định do nguồn cung dồi dào.

Về tiến độ thực hiện đầu tư của ngành, dự án Đạm Cà Mau cần tập trung các nguồn lực và thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo sản xuất ra sản phẩm đầu tiên vào cuối tháng 12 năm 2011.

2.3. Ngành Công nghiệp nhẹ

- **Ngành Dệt may** sản xuất một số nguyên liệu vải gần đây có xu hướng giảm dần, vải dệt từ sợi bông 11 tháng giảm 3,6% so với cùng kỳ (trong khi 9 tháng tăng 4,7%, 10 tháng giảm 1,1%), vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo 11 tháng tăng 21,6% so với cùng kỳ (trong khi 9 tháng tăng 18,2%, 10 tháng tăng 22,0%), quần áo may sẵn vẫn tiếp tục tăng 11,5% nhưng tốc độ tăng cũng chậm hơn so với năm 2010 (tăng 18,7%). Những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sản xuất của ngành những tháng cuối năm nay là giá nhân công và chi phí đầu vào tăng do không chủ động được nguồn nguyên liệu; xuất khẩu chịu tác động mạnh từ chính sách thắt chặt tiền tệ của Mỹ sau khi gỡ bỏ trần nợ công và kinh tế chưa có dấu hiệu khởi sắc, từ tiết kiệm tiêu dùng tại Nhật Bản và từ khủng hoảng nợ công đang có dấu hiệu lan rộng tại Châu Âu. Vì thế nên một số doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất áo sơ mi và quần âu đã bị huỷ hợp đồng, thậm chí không ký được đơn hàng cho quý I/2012.

Mặc dù mục tiêu xuất khẩu hàng dệt may của năm 2011 được đảm bảo và người dân đã tin tưởng chọn hàng dệt may trong nước nhưng để xuất khẩu năm 2012 tiếp tục tăng trưởng cũng như thị phần hàng dệt may trong nước ngày một nâng lên thì các doanh nghiệp dệt may cần triển khai một số biện pháp như: đầu tư phát triển khâu cung ứng nguyên phụ liệu trong nước, chú trọng đầu tư cho khâu thiết kế, đồng thời, chú trọng kiểm tra, kiểm soát hàng kém chất lượng nhưng giá thương hiệu Việt Nam đang xuất hiện ngày càng nhiều tại thị trường nội địa,...

- **Ngành Da giày** sản xuất tháng 11 tiếp tục ổn định và tăng trưởng so với tháng 10: sản phẩm giày dép, ủng giả da ước đạt 5,2 triệu đôi, tăng 10,3%; giày thể thao ước đạt 29,7 triệu đôi, tăng 5,3%. Tính chung 11 tháng so với cùng kỳ: sản phẩm giày dép, ủng giả da ước đạt 5,2 triệu đôi, tăng 10,3%; giày thể thao ước đạt 29,7 triệu đôi, tăng 5,3%.

Tình hình của ngành da giày tuy có khả quan hơn các ngành khác nhưng sản lượng trong từng đơn hàng xuất khẩu vào EU cũng bắt đầu giảm sút (giảm khoảng 20-30%) do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế ở các nước này. Việc EU vẫn áp đặt một năm giám sát xuất khẩu hàng da giày của Việt Nam (trong trường hợp lượng xuất khẩu tăng và giá xuất khẩu giảm trong một thời gian nhất định thì cơ quan có thẩm quyền của EU có thể xem xét việc tái áp thuế mà không cần điều tra) là một bất lợi cho các doanh nghiệp, nhất là khi phải cạnh tranh với các doanh nghiệp da giày Indonesia, Srilanka, Banglades, Ấn Độ vì đang được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan. Vì thế, thời gian này là khoảng thời gian có độ rủi ro tương đối cao đối với các doanh nghiệp da giày Việt Nam khi phải nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất (khoảng 80%) và phụ thuộc vào thị trường nhập khẩu lớn nhất là Trung Quốc.

- **Ngành Giấy** vẫn tiếp tục gặp khó khăn do thị trường giấy và bột giấy thế giới liên tục giảm nhẹ đã ảnh hưởng đến giá cả trong nước (bột kraft gỗ mềm tẩy trắng miền Bắc giảm 7,87 đôla/tấn, bột kraft gỗ cứng tẩy trắng giảm 10,68 đôla/tấn, giấy tái chế giảm 5,60 euro/tấn, giấy in báo giảm 0,35 euro/tấn); giá nhiên liệu, hóa chất và chi phí vận chuyển tăng; lượng giấy viết nhập khẩu với giá thành thấp hơn đang cạnh tranh mạnh với sản phẩm trong nước. Doanh nghiệp trong ngành hiện căn cứ nhu cầu để sản xuất nên sản lượng tháng 11 tiếp tục giảm so với tháng 11/2010, ước đạt 164,7 nghìn tấn, tính chung 11 tháng ước đạt 1,78 triệu tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ (trong khi 10 tháng tăng 7,6% so với cùng kỳ).

Hiện nay, một số doanh nghiệp trong ngành đã cải tiến dây chuyền nên chất lượng giấy thành phẩm đã đáp ứng được phần nào yêu cầu của người tiêu dùng. Tuy nhiên, từ năm 2012, theo lộ trình cam kết WTO, thuế nhập khẩu các loại giấy giảm còn 20% nên cần tập trung gia tăng đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng để cạnh tranh với giấy nhập khẩu ngay trên thị trường nội địa.

- **Ngành Thuốc lá** tháng 11 sản xuất giảm nhẹ so với tháng 10 nhưng tăng 13,0% so với tháng 11/2010; tính chung 11 tháng ước đạt 4,96 tỷ bao, tăng 9,5% so với cùng kỳ. Hiện nay, ngành thuốc lá còn phải khắc phục một số tồn tại như: sản phẩm đa dạng về chủng loại, phù hợp với thị hiếu và “gu” của người Việt nhưng chưa xây dựng được quy định về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm thuốc lá; mạng lưới phân phối sản phẩm phân tán, nguồn nhân lực chưa chuyên nghiệp nên sức cạnh tranh của doanh nghiệp chưa cao.

Tuy nhiên, trước mắt, để thực hiện tốt Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp nhằm bình ổn giá cả thị trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trước và sau Tết Nguyên đán, vào dịp cuối năm, tình hình

buôn lậu qua biên giới đối với mặt hàng thuốc lá sẽ gay gắt hơn. Vì thế, các doanh nghiệp trong ngành phối hợp với các cơ quan chức năng cần tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh, chống buôn lậu trong dịp Tết Nguyên đán này.

- **Ngành Bia, rượu, nước giải khát** sản xuất tháng 11 và 11 tháng tiếp tục giảm chủ yếu do giảm sản lượng sản xuất bia địa phương và bia hơi. Nguyên nhân giảm một phần do sức mua giảm nhưng phần chính là do thời tiết năm nay mát hơn mọi năm nên nhu cầu không lớn. Sản phẩm bia 11 tháng ước đạt 2,36 tỷ lít, tăng 7,4% so với cùng kỳ (trong khi 10 tháng tăng 8,3% so với cùng kỳ).

Năm nay Tết Nguyên đán đến sớm hơn mọi năm nên kế hoạch sản xuất và dự trữ hàng phục vụ cho các dịp Lễ, tết của các doanh nghiệp trong ngành đảm bảo cung cấp khoảng 200 triệu lít bia, rượu các loại ra thị trường. Tuy nhiên, để làm tốt công tác chống hàng nhái, hàng giả, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, các doanh nghiệp trong ngành cần phối hợp tốt với các cơ quan liên quan tăng cường công tác kiểm tra, quản lý thị trường, giám sát, đảm bảo hàng hóa được niêm yết giá công khai và bán theo giá niêm yết, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- **Các ngành khác** sản lượng sản xuất và tốc độ tăng trưởng của các chỉ tiêu tháng 11 và 11 tháng đều giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

1. Xuất khẩu

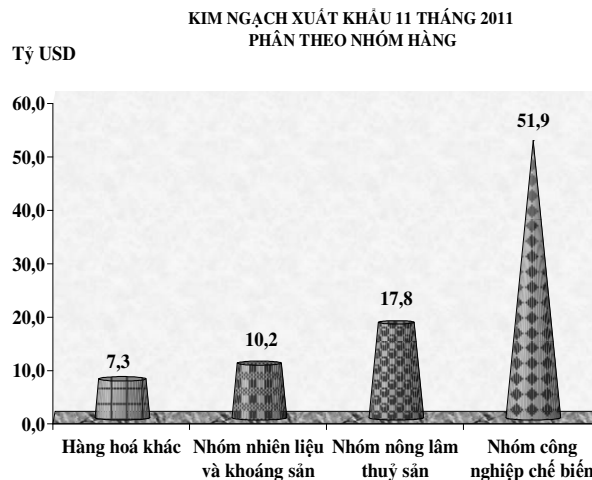
Tình hình xuất khẩu một số mặt hàng những tháng cuối năm tiếp tục có những thuận lợi về thị trường và giá cả: kim ngạch xuất khẩu cà phê đạt mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ do giá xuất khẩu cao (bình quân 11 tháng đạt mức 2,21 nghìn USD/tấn, tăng 49,3% so với cùng kỳ); xuất khẩu thủy sản sang Châu Âu tăng khá dù vấp phải những khó khăn chung tại khu vực thị trường này,... Chi tiết như sau:

Kim ngạch xuất khẩu tháng 11 ước đạt 8,6 tỷ USD, tăng 2,4% so với tháng 10 và tăng 28,2% so với tháng 11/2010, trong đó: xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) ước đạt 4,8 tỷ USD, tăng 2,4% so với tháng 10 và tăng 43,5% so với tháng 11/2010.

Tính chung 11 tháng, kim ngạch xuất khẩu ước đạt gần 87,2 tỷ USD, tăng 34,7% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) ước đạt 42,6 tỷ USD, tăng 39,2%. Đến nay đã có 23 nhóm/mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó có 5 nhóm/mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 5 tỷ USD, đó là: Hàng dệt và may mặc ước đạt 12,8 tỷ USD, dầu thô ước đạt 6,7 tỷ USD, điện thoại các loại và linh kiện ước đạt 6,2 tỷ USD, giày, dép các loại ước đạt 5,7 tỷ USD, thủy sản ước đạt 5,5 tỷ USD (Phụ lục 3).

Xét theo nhóm hàng, so với cùng kỳ, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt hơn 17,8 tỷ USD, tăng 32,0% và chiếm tỷ trọng 20,5%

trong tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó, một số mặt hàng có kim ngạch tăng trưởng cao như: hạt tiêu tăng 83,7%, sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 82,4% (riêng mặt hàng sắn tăng 95,3%), cà phê tăng 52,8%, cao su tăng 39,2%, Kim ngạch xuất khẩu nhóm nhiên liệu, khoáng sản ước đạt 10,2 tỷ USD, tăng 42,7% và chiếm tỷ trọng 11,7%, trong đó: xăng dầu tăng 58,9%, dầu thô tăng 51,0%, quặng và khoáng sản tăng 38,4%, than đá tăng 2,9%. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt gần 51,9 tỷ USD, tăng 32,8% và chiếm tỷ trọng 59,5%, trong đó: điện thoại các loại và linh kiện tăng gấp hơn 2 lần, sắt thép các loại tăng 62,1%, phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 54,4%, sản phẩm hóa chất tăng 43,4%, sản phẩm từ sắt thép tăng 38,0%,... Tuy nhiên, một số mặt hàng kim ngạch giảm như: máy ảnh, máy quay phim và linh kiện giảm 45,7%, đá quý và kim loại quý giảm 7,1%,... Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng hóa khác ước đạt gần 7,3 tỷ USD, tăng 46,2% và chiếm tỷ trọng 8,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.



Xét về giá, so với cùng kỳ, giá bình quân nhiều nhóm/mặt hàng xuất khẩu tăng cao như: nhân điều tăng 45,2%, cà phê tăng 49,3%, chè các loại tăng 3,4%, hạt tiêu tăng 66,5%, gạo tăng 9,1%, sắn và sản phẩm từ sắn tăng 15,1%, cao su tăng 37,3%, than đá tăng 17,3%, dầu thô tăng 43,6%, xăng dầu các loại tăng 37,9%, quặng và khoáng sản khác tăng 19,3%, chất dẻo nguyên liệu tăng 18,2%, sắt thép tăng 13,0%,...

Xét về lượng, so với cùng kỳ, một số nhóm/mặt hàng có lượng xuất khẩu tăng như: sắn và các sản phẩm sắn tăng 58,5%, sắt thép tăng 43,4%, quặng và các khoáng sản khác tăng 16,0%, xăng dầu các loại tăng 15,2%, hạt tiêu tăng 10,3%, gạo tăng 6,2%, dầu thô tăng 5,1%, ... Tuy nhiên, một số nhóm/mặt hàng lượng xuất khẩu giảm như: than đá giảm 12,3%, chất dẻo nguyên liệu giảm 11,4%, nhân điều giảm 9,5%, ...

Xét theo thị trường, xuất khẩu sang các thị trường đều có mức tăng trưởng khá cao: xuất khẩu sang ASEAN tăng 30,6% và chiếm tỷ trọng 14,1%; xuất khẩu sang Nhật Bản tăng 38,2% và chiếm tỷ trọng 11,0%; xuất khẩu sang

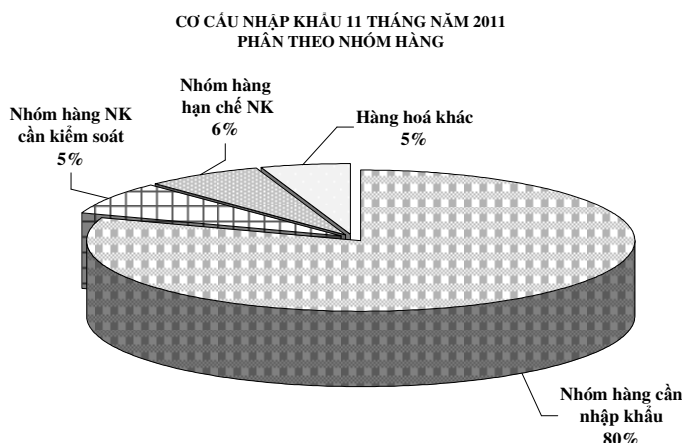
thị trường Mỹ tăng 19,2% và chiếm tỷ trọng hơn 17,6%; xuất khẩu sang EU tăng 48,2% và chiếm tỷ trọng 17,0% (Phụ lục 4).

2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 11 ước đạt 9,3 tỷ USD, tăng 1,7% so với tháng 10 và tăng 15,5% so với tháng 11/2010, trong đó: kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 4,6 tỷ USD, tăng 3,0% so với tháng 10 và tăng 27,3% so với tháng 11/2010.

Tính chung 11 tháng, kim ngạch nhập khẩu ước đạt gần 96,1 tỷ USD, tăng 26,4% so với cùng kỳ, trong đó: kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp 100% vốn trong nước đạt 52,6 tỷ USD, tăng 23,0% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 54,7%; kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 43,5 tỷ USD, tăng 30,8% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 45,3% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước (Phụ lục 5).

Xét theo nhóm hàng, so với cùng kỳ, kim ngạch của nhóm hàng cần nhập khẩu ước đạt 77,0 tỷ USD, tăng 23,3% và chiếm tỷ trọng 80,2%; kim ngạch của nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu ước đạt 7,2 tỷ USD tăng 42,7% và chiếm tỷ trọng 7,5%; kim ngạch của nhóm hàng cần hạn chế ước đạt 6,7 tỷ USD, tăng 19,9% và chiếm tỷ trọng 7,0%; nhóm hàng hóa khác ước đạt gần 5,1 tỷ USD, tăng 77,4%, chiếm tỷ trọng 5,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu.

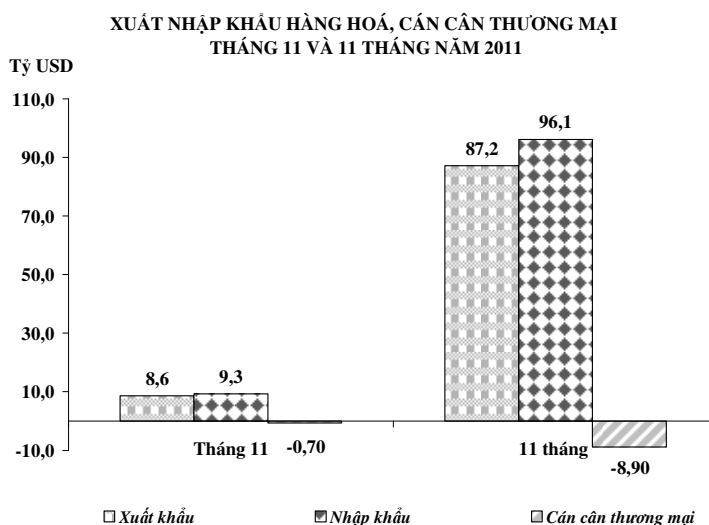


Xét theo mặt hàng, so với cùng kỳ, nhiều mặt hàng có khối lượng và giá nhập khẩu tăng mạnh như: thủy sản tăng 59,7%, lúa mỳ tăng 34,9%, dầu, mỡ động thực vật tăng 45,0%, xăng dầu tăng 67,6%, khí đốt hoá lỏng tăng 32,5%, ... kể cả những mặt hàng thuộc nhóm cần hạn chế nhập khẩu như: ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ tăng 14,9%, điện thoại các loại và linh kiện tăng 72,0%. Các mặt hàng phục vụ sản xuất tăng như: hoá chất tăng 28,9%, phân bón tăng 53,9%, chất dẻo nguyên liệu tăng 26,5%, cao su các loại tăng 52,1%, bông tăng 65,5%, sợi các loại tăng 39,9%, vải các loại tăng 27,0%, nguyên phụ liệu dệt, may, da giày tăng 13,5%,... Ngược lại, một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ như: ngô giảm 26,9%, clanhke giảm 36,2%, nguyên liệu dược phẩm giảm 4,9%, phôi thép giảm 48,2%,...

Xét theo thị trường, nhập khẩu từ thị trường Châu Á tăng 26,9% và chiếm tỷ trọng khoảng 78,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, trong đó: ASEAN tăng 35,1%, chiếm tỷ trọng 20,3%, Trung Quốc tăng 21,2%, chiếm tỷ trọng 22,6%, Hàn Quốc tăng 33,5%, chiếm tỷ trọng 12,2%, Nhật Bản tăng 15,4%, chiếm tỷ trọng gần 9,8%. Nhập khẩu từ thị trường Châu Âu tăng 20,7% và chiếm tỷ trọng 9,8% (Phụ lục 6).

3. Cán cân thương mại

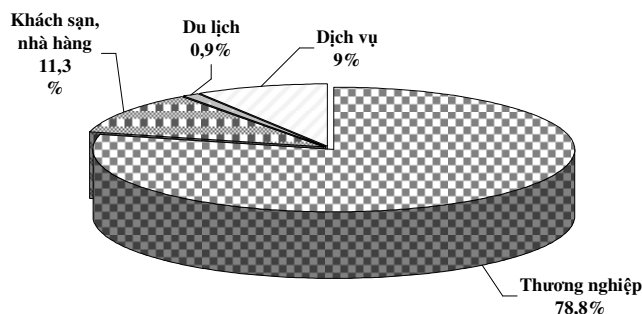
Ước nhập siêu 11 tháng hơn 8,9 tỷ USD, chiếm 10,22% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó, khối doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) nhập siêu hơn 862 triệu USD. Tỷ lệ nhập siêu giảm dần, chủ yếu từ các nước như: ASEAN 59,0%; Trung Quốc 126,6%; Hàn Quốc 167,5%; Đài Loan 371,0%;... Tỷ lệ xuất siêu từ Mỹ 74,3%; Ôxtrâyliia 15,5%; Đức 32,8%; Pháp 40,0%; Hồng Kông 51,5%; Nhật Bản 2,15%; ...



4. Thị trường trong nước

Thị trường tháng 11 bắt đầu sôi động hơn so với tháng trước khi các nguồn hàng, các chương trình khuyến mãi lớn được các doanh nghiệp và các siêu thị triển khai để chuẩn bị cho nhu cầu mua sắm Tết Nguyên đán. Vì vậy, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội tháng 11 ước đạt 176,4 nghìn tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng 10; tính chung 11 tháng ước đạt 1.814 nghìn tỷ đồng, tăng 23,5% so với cùng kỳ (nếu trừ yếu tố giá thì tốc độ tăng là 4,1% so với cùng kỳ). Xét theo ngành kinh tế, so với cùng kỳ, ngành thương nghiệp ước đạt 1.430 nghìn tỷ đồng, tăng 23,6% và chiếm tỷ trọng 78,8 %; khách sạn nhà hàng đạt 204,7 nghìn tỷ đồng, tăng 26,3% và chiếm tỷ trọng 11,3%; dịch vụ đạt 162,8 nghìn tỷ đồng, tăng 20,6% và chiếm tỷ trọng 9,0 %; du lịch đạt 16,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,7% và chiếm tỷ trọng 0,9%.

CƠ CẤU TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ
PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ 11 THÁNG 2011



Năm nay Tết đến sớm hơn mọi năm nên giới buôn lậu tăng cường gom các mặt hàng bánh kẹo, nước giải khát, bia, rượu, thuốc lá, mỹ phẩm,... đưa về nội địa tiêu thụ qua các cửa khẩu như Lạng Sơn, Móng Cái, Lao Bảo, Mộc Bài. Để ngăn chặn tình trạng này, đồng thời, để chuẩn bị thị trường trong dịp lễ, Tết Nhâm Thìn, ngày 16 tháng 11, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 2051/CT-TTg về việc tăng cường các biện pháp nhằm ổn định giá cả, thị trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trước và sau Tết Nguyên đán Nhâm Thìn 2012. Theo đó, yêu cầu các Bộ, ngành phối hợp với các cơ quan hữu quan và doanh nghiệp tăng cường các biện pháp kiểm soát việc chấp hành các quy định về giá, bảo đảm đủ nguồn hàng, nhất là các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm, xăng dầu, thuốc chữa bệnh, không để xảy ra tình trạng đầu cơ, gây sốt giá, nhất là vào những tháng cuối năm khi nhu cầu tiêu dùng tăng đột biến.

Chỉ số giá tiêu dùng cả nước theo chiều hướng thuận, tháng 11 chỉ tăng 0,39% so với tháng 10. Hai tháng liên tiếp biên độ biến động hẹp và mức tăng thấp so với các tháng khác trong năm cho thấy chỉ số lạm phát đã ổn định hơn. So với tháng 12/2010 tăng 17,5% và bình quân 11 tháng tăng 18,6% so cùng kỳ. Trong tháng, chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,56%, trong đó: nhóm lương thực có mức tăng cao nhất 3,25% nhưng nhóm thực phẩm giảm 0,26%. Ngoài ra, chỉ số giá của 3 nhóm hàng hóa giảm so với tháng 10 là giao thông, bưu chính viễn thông và văn hóa, giải trí, du lịch.

III. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Tính đến ngày 24 tháng 11, Bộ Công Thương đã trình và ban hành 33 văn bản theo Chương trình: gồm 06 Nghị định, 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 22 Thông tư và Thông tư liên tịch; phân thực hiện Nghị quyết 59/NQ-CP đã ban hành 06 Nghị định, 11 Thông tư. Theo chương trình, Bộ còn phải trình/ban hành 48 văn bản (gồm 34 văn bản thuộc Chương trình đề xuất và 13 văn bản thuộc phân thực hiện Nghị quyết số 59/NQ-CP).

Trong công tác đơn giản hóa thủ tục hành chính, đã đơn giản hóa được:

02 thủ tục thuộc phần thực thi Nghị quyết 25/NQ-CP; 01 thủ tục thuộc phần thực hiện Nghị quyết 54/NQ-CP (đã ban hành Thông tư 26/2011/TT-BCT ngày 11 tháng 7 năm 2011). Như vậy, Bộ còn phải thực hiện đơn giản hóa 10 thủ tục, bao gồm: 03 thủ tục thuộc phần thực thi Nghị quyết 25/NQ-CP (sửa đổi bổ sung 01 Nghị định và 01 Thông tư; 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đang kiến nghị không thực hiện); 06 thủ tục thuộc phần thực thi Nghị quyết 68/NQ-CP (02 Thông tư liên tịch; 01 văn bản ban hành quy trình xử lý hàng hóa theo Điều 35, 36 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; 3 nhiệm vụ đang kiến nghị giao cho Bộ khác xử lý); 01 nhiệm vụ thuộc Nghị quyết 57/NQ-CP (đang kiến nghị giao Bộ khác xử lý).

2. Công tác hợp tác kinh tế quốc tế

Công tác WTO: cung cấp thêm thông tin và giải trình cho WTO về một số biện pháp, chính sách thương mại của Việt Nam từ tháng 5 đến tháng 10/2011; Nghiên cứu các đề xuất của các thành viên WTO để xây dựng Đề án tham dự Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ 8.

Công tác ASEAN: xây dựng phương án và tham dự Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 19; tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành về Lộ trình chiến lược hợp tác kinh tế 10 năm ASEAN - Nhật Bản.

Công tác APEC: chuẩn bị phương án và các nội dung liên quan, tháp tùng Chủ tịch nước và Bộ trưởng tham dự Hội nghị Cấp cao APEC lần thứ 19 và Hội nghị liên Bộ trưởng Ngoại giao - Kinh tế APEC lần thứ 23.

Các FTA khác: rà soát và dịch các tài liệu về Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương chuẩn bị cho tuyên bố của Chủ tịch nước tại Hội nghị cấp cao APEC; xây dựng phương án đàm phán dịch vụ chuẩn bị cho phiên đàm phán TPP giữa kỳ.

3. Công tác quản lý thị trường

Trong tháng, tiếp tục kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định của pháp luật theo chỉ đạo tại Công điện số 1120/CD-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác kiểm tra hoạt động thương nhân nước ngoài trực tiếp mua gom các hàng hóa được sản xuất trong nước như: thóc, gạo, đường, thực phẩm, hoa quả,... Tại một số tỉnh biên giới, lực lượng quản lý thị trường phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động buôn bán, tàng trữ, vận chuyển hàng lậu, hàng giả, hàng cấm, gian lận thương mại và mậu dịch biên giới; kiểm tra, xử lý vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

Trong số 9.302 vụ kiểm tra, đã xử lý 4.691 vụ vi phạm (trong đó 693 vụ buôn bán hàng lậu, hàng cấm; 549 vụ hàng giả, hàng kém chất lượng; 2.650 vụ kinh doanh trái phép và 799 vụ vi phạm trong lĩnh vực giá) với số tiền thu được là 9,68 tỷ đồng (trong đó phạt vi phạm hành chính 7,49 tỷ; trị giá hàng tịch thu là 2,16 tỷ và truy thu thuế là 20,36 triệu đồng).

IV. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN TRONG THÁNG 12

Phân đầu hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2011, các đơn vị thuộc Bộ và các Sở Công Thương cần quyết liệt triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2011 và Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2011 của Chính phủ; Chỉ thị số 2051/CT-TTg ngày 16 tháng 11 của Thủ tướng Chính phủ trên các lĩnh vực sau:

1. Tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Theo dõi sát biến động thị trường thế giới để có các biện pháp hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp xuất khẩu; thực hiện các chính sách hạn chế nhập khẩu mặt hàng không thiết yếu, hàng tiêu dùng xa xỉ, góp phần kiểm chế nhập siêu.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cải tiến công nghệ, tăng cường quản lý, nghiên cứu sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị trong nước đã sản xuất được để giảm chi phí, đặc biệt là sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên nhằm tăng hiệu quả đầu tư và hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần giảm nhập siêu.

3. Tiếp tục theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả các mặt hàng thiết yếu để có biện pháp điều tiết kịp thời, không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá nhằm bình ổn thị trường, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu có nhu cầu tiêu thụ cao; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động buôn bán, tàng trữ, vận chuyển hàng lậu, hàng giả, hàng cấm, gian lận thương mại và mậu dịch biên giới; kiểm tra, xử lý vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán sắp tới.

4. Tập trung giám sát chặt chẽ tiến độ các dự án đầu tư, tiến độ giải ngân các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm chậm tiến độ và các dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2011.

5. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, định hướng dư luận, tạo đồng thuận giữa doanh nghiệp và nhân dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội trong tháng cuối năm./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Bộ KH&ĐT;
- VP TƯ Đảng;
- VP Chính phủ;
- UB Kinh tế của Quốc hội;
- Mạng diện rộng VPCP;
- Đảng ủy Bộ;
- Các Vụ, Tổng cục, Cục, Thanh tra Bộ,
- Văn phòng Bộ (qua mạng nội bộ);
- Website BCT;
- Lưu VT, KH (2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Lê Dương Quang

